

PHỤ LỤC I

CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 1 – CTCP

(Kèm theo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
1	Không có quy định	Bổ sung điểm r, khoản 1, Điều 1: “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con..	Bổ sung theo điểm o, khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020 ngày 31/12/2020
2	Khoản 3, Điều 3 – Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của doanh nghiệp <i>www.ccljsc.com.vn</i>	Sửa đổi khoản 3, Điều 3: www.ccl.vn	Sửa đổi do thay đổi tên webiste Tổng công ty
3	Khoản 6, Điều 3 – Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của doanh nghiệp <i>Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 67 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của CCI bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.</i>	Sửa đổi khoản 6, Điều 3: Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 67 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của CCI bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	
4	Điểm b, Khoản 1, Điều 4 – Mục tiêu hoạt động của CCI <i>Các ngành nghề kinh doanh khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật</i>	Sửa đổi điểm b, khoản 1, Điều 4: Bỏ quy định này	Bãi bỏ theo Điều 5 Điều lệ mẫu Thông tư

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
			116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
5	<p>Điều 5 – Phạm vi kinh doanh và hoạt động</p> <p>1. CCI được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.</p> <p>2. CCI có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác phù hợp với các quy định của pháp luật và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.</p>	<p>Sửa đổi Điều 5:</p> <p>Tổng Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.</p>	Sửa đổi theo Điều 5 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.
6	<p>Khoản 7, Điều 6 – Vốn điều lệ, cổ phần</p> <p>CCI có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi Khoản 7, Điều 6:</p> <p>CCI có thể phát hành các loại chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	Sửa đổi theo khoản 7 Điều 6 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
7	<p>Khoản 2, Điều 7 – Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của CCI và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của CCI theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi khoản 2, Điều 7:</p> <p>Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p>	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 7 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
8	<p>Điều 11 – Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. <i>Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông chiến lược phải phù hợp với các quy định pháp luật liên quan (nếu có). Cổ phần niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</i></p> <p>2. <i>Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán.</i></p>	<p>Sửa đổi Điều 11:</p> <p>1. Tất cả các cổ phần đều được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông chiến lược phải phù hợp với các quy định pháp luật liên quan (nếu có). Cổ phần niêm yết, <u>đăng ký giao dịch</u> trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phần phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán <u>và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</u></p>	<p>Bổ sung theo Điều 9 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
9	<p>Khoản 1, Điều 12 – Thu hồi cổ phần</p> <p><i>Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền đối với số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 1, Điều 12:</p> <p>Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền đối với số cổ phần đã đăng ký mua, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại <u>và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của CC1 phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</u> Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 10 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.	
10	<p>Khoản 2, Điều 12 - Thu hồi cổ phần</p> <p><i>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 2, Điều 12:</p> <p>Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán <u>quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp</u>. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p>	Bổ sung theo khoản 4, Điều 10 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
11	<p>Khoản 3, Điều 12 - Thu hồi cổ phần</p> <p><i>Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó vào thời điểm thu hồi. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 3, Điều 12:</p> <p>Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó <u>nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của CC1 phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán</u>. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p>	Bổ sung theo khoản 5 Điều 10 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
12	Không có quy định	<p>Bổ sung khoản 4, Điều 12:</p> <p>Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu tại khoản 1 Điều này không được thực hiện</p>	Bổ sung theo khoản 3 Điều 10 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
13	Không có quy định	Bổ sung khoản 5, Điều 12: Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.	Bổ sung theo khoản 6 Điều 10 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
14	Điều 18 – Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại <i>Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này thì cổ đông phải hoàn trả cho CC1 số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho CC1 thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của CC1 trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.</i>	1. Sửa đổi Điều 18: Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này <u>hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp</u> thì cổ đông phải hoàn trả cho CC1 số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho CC1 thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của CC1 trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.	Bổ sung theo Điều 136 Luật doanh nghiệp
15	Điểm g, Khoản 2, Điều 21 – Quyền của cổ đông <i>Trường hợp CC1 giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi CC1 đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của CC1 theo quy định của pháp luật.</i>	Sửa đổi điểm g, khoản 2, Điều 21: Khi CC1 giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại CC1.	Sửa đổi theo điểm g khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
16	Điểm h, khoản 2, Điều 21 – Quyền của cổ đông	Sửa đổi điểm h, khoản 2, Điều 21:	Sửa đổi theo điểm h khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>Yêu cầu CCI mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp.</i>	Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.	Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
17	Không có quy định	Bổ sung điểm i, khoản 2, Điều 21: Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông	Bổ sung theo điểm i khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
18	Không có quy định	Bổ sung điểm j, khoản 2, Điều 21: Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật	Bổ sung theo điểm k khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
19	Không có quy định	Bổ sung điểm k, khoản 2, Điều 21: Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp	Bổ sung theo điểm l khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
20	Điểm i, khoản 2, Điều 21 – Quyền của cổ đông <i>Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</i>	Sửa đổi điểm i, khoản 2, Điều 21: Sắp xếp thành điểm l, khoản 2, Điều 21 Nội dung vẫn giữ nguyên	
21	Điểm b, Khoản 3, Điều 21 – Quyền của cổ đông	Sửa đổi điểm b, khoản 3, Điều 21:	Sửa đổi theo điểm d khoản

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông	Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến CC1 chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	2 Điều 12 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
22	Khoản 5, Điều 22 – Nghĩa vụ của cổ đông Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.	Sửa đổi khoản 1, Điều 11: Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau: a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp. b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp. c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	Sửa đổi theo khoản 6 Điều 13 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
23	Khoản 6, Điều 22 – Nghĩa vụ của cổ đông Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.	Bỏ khoản 6, Điều 22: Do đã đưa nội dung quy định khoản 6 thành quy định điểm d khoản 5 Điều 22 Điều lệ.	
24	Khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, Điều 22 - Nghĩa vụ của cổ đông	Sửa đổi khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, khoản 12, Điều 22: Sắp xếp thành khoản 6, khoản 7, khoản 8, khoản 9, khoản 10, khoản 11, Điều 22.	Do bỏ khoản 6 Điều 22 Điều lệ => thay đổi thứ tự sắp xếp của các khoản.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
25	Khoản 2, Điều 23 – Đại hội đồng cổ đông <i>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i>	Bổ sung khoản 2, Điều 23: Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <u>Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ toạ tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</u>	Bổ sung theo khoản 1 Điều 14 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
26	Khoản 3, Điều 23 – Đại hội đồng cổ đông <i>Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.</i>	Sửa đổi khoản 3 Điều 23: Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, <u>đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của CC1 có các khoản ngoại trừ trong yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, CC1 phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của CC1.</u>	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
27	Điểm b khoản 4, Điều 23 – Đại hội đồng cổ đông	Bỏ điểm b khoản 4, Điều 23: Không áp dụng	Sửa đổi theo khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu Thông tư

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một phần hai (1/2) so với số đầu kỳ</i>		116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
28	Điểm c khoản 4, Điều 23 – Đại hội đồng cổ đông <i>Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc giảm quá một phần ba (1/3) số thành viên quy định trong Điều lệ.</i>	Sửa đổi điểm c, khoản 4, Điều 23: Sắp xếp thành điểm b, khoản 4, Điều 23 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi theo điểm b, khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
29	Điểm d khoản 4, Điều 23 – Đại hội đồng cổ đông <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.</i>	Sửa đổi điểm d, khoản 4, Điều 23: Sắp xếp thành điểm c, khoản 4, Điều 23 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, trong đó phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông liên quan.	Sửa đổi theo điểm c, khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
30	Điểm e khoản 4, Điều 23 – Đại hội đồng cổ đông <i>Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</i>	Sửa đổi điểm e khoản 4, Điều 23: Sắp xếp thành điểm d, khoản 4, Điều 23 Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.	Sửa đổi theo điểm d, khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
31	Không quy định	Bổ sung nội dung mới Sắp xếp thành điểm e, khoản 4, Điều 23 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Bổ sung theo điểm đ, khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
32	Điểm a, khoản 5, Điều 23 – Đại hội đồng cổ đông <i>Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày theo quy định tại Khoản 4, Điều này.</i>	Sửa đổi điểm c, khoản 5, Điều 23: Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày theo quy định tại <u>điểm b khoản 4, Điều này hoặc nhân được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 4 Điều này.</u>	Sửa đổi theo điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
33	Điểm c, khoản 5, Điều 23 – Đại hội đồng cổ đông <i>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 23 này thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho CC1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d, khoản 4 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4, Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</i>	Sửa đổi điểm c, khoản 5, Điều 23: Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều này thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho CC1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại <u>điểm c, khoản 4 Điều này có quyền yêu cầu đại diện CC1</u> triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4, Điều 140 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi theo điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
34	Khoản 1, Điều 24 – Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông <i>Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</i>	Sửa đổi khoản 1, Điều 24: Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: a. Thông qua định hướng phát triển của CC1.	Sửa đổi theo khoản 1, Điều 15 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty.</p> <p>b. Báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.</p> <p>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.</p> <p>f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.</p> <p>g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p>	<p>a. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; quyết định chào bán các loại trái phiếu theo quy định của Luật Chứng khoán.</p> <p>b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>c. <u>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1.</u></p> <p>d. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>f. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.</p> <p>g. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho CC1 và cổ đông CC1.</p> <p>h. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty.</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>j. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		k. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của CC1, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết. l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.	
35	Khoản 2, Điều 24 – Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông <i>Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</i> <ol style="list-style-type: none"> a. Thông qua định hướng phát triển của Tổng công ty; b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần. c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên. d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác. e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty. 	Sửa đổi khoản 2, Điều 24: Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của CC1. b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán. c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị. d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của CC1, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc. e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát. f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại. g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. 	Sửa đổi theo khoản 2, Điều 15 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông.</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng công ty và chỉ định người thanh lý.</p> <p>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k. Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng công ty.</p> <p>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác.</p>	<p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.</p> <p>j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của CC1 khi xét thấy cần thiết.</p> <p>k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty.</p> <p>l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần; chào bán các loại trái phiếu theo quy định của Luật Chứng khoán.</p> <p>m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi CC1.</p> <p>n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) CC1 và chỉ định người thanh lý.</p> <p>o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của CC1.</p> <p>p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.</p> <p>q. CC1 ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh</p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		<p>nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị CC1, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.</p> <p>t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
36	<p>Khoản 3, Điều 24 – Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p>n. <i>Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.</i></p> <p>o. <i>Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được</i></p>	<p>Bãi bỏ, không áp dụng</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 15 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</i>		
37	Khoản 4, Điều 24 – Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông <i>Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</i>	Sửa khoản 4, Điều 24: Sắp xếp thành khoản 3, Điều 24:	Sửa đổi theo khoản 3, Điều 15 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
38	Khoản 1, Điều 25 – Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông <i>Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</i> <i>Trong trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện</i>	Sửa khoản 1, Điều 25: Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 16 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
39	Khoản 2, Điều 25 – Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự (<i>tham khảo mẫu giấy ủy quyền của CCI</i>), phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số	Sửa đổi Khoản 2, Điều 25: Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự (<i>tham khảo mẫu giấy ủy quyền của CCI</i>), phải nêu rõ <u>cổ đông ủy quyền</u> , tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, <u>nội dung ủy quyền</u> ,	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>lượng cổ phần được ủy quyền và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p>	<p><u>phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và phải có chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</u></p> <p><u>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức.</u></p>	
40	<p>Khoản 3, Điều 25 – Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với CCI).</i></p>	<p>Sửa đổi Khoản 2, Điều 25:</p> <p>Bãi bỏ, không áp dụng</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 16 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
41	<p>Khoản 4, Điều 25 – Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự. b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền sau thời điểm khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền sau thời điểm khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. 	<p>Sửa đổi khoản 4, Điều 25: Sắp xếp thành khoản 3, Điều 25</p> <p>Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, trừ trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự. b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền. c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền. <p><u>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp CC1 nhân được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</u></p>	<p>Sửa đổi theo khoản 3 điều 16 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
42	<p>Khoản 1, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm e khoản 4 Điều 23 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi khoản 1, Điều 26: Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 23 Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 1 Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
43	Điểm a, khoản 2, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông <i>Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội và danh sách được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của CCI.</i>	Sửa đổi điểm a, khoản 2, Điều 26: Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội và danh sách được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của CCI. <u>Tổng Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</u>	Bổ sung theo điểm a, khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
44	Không quy định	Bổ sung điểm d, khoản 2, Điều 26: Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.	Bổ sung theo điểm b, khoản 2, Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
45	Không quy định	Bổ sung điểm e, khoản 2, Điều 26: Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.	Bổ sung theo điểm c, khoản 2, Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
46	Không quy định	Bổ sung điểm f, khoản 2, Điều 26: Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp	Bổ sung theo điểm d, khoản 2, Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
47	<p>Khoản 3, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của CCI, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của CCI. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 3, Điều 26:</p> <p>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông <u>bằng phương thức đảm bảo</u> đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của CCI, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán <u>nơi cổ phiếu của CCI niêm yết hoặc đăng ký giao dịch</u>. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông <u>hoặc/và</u> đăng trên trang thông tin điện tử của CCI. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
48	<p>Khoản 4, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 4, Điều 26:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, số lượng <u>từng</u></p>	<p>Sửa đổi theo khoản 4 Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</i>	<u>loại cổ phần của cổ đông, và vấn đề kiến nghị</u> đưa vào chương trình họp.	
49	Điểm a, khoản 5, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông <i>Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.</i>	Sửa đổi điểm a, khoản 5, Điều 26: Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này	Sửa đổi theo điểm a, khoản 5 Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
50	Điểm b, khoản 5, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông <i>Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</i>	Sửa đổi điểm b, khoản 5, Điều 26: Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không <u>nắm giữ</u> đủ từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.	Sửa đổi theo điểm b, khoản 5 Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
51	Điểm c, khoản 5, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông <i>Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</i>	Sửa đổi điểm c, khoản 5, Điều 26: Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền <u>quyết định</u> của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi theo điểm c, khoản 5 Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
52	Điểm d, khoản 5, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông <i>Các trường hợp khác theo quy định.</i>	Sửa đổi điểm d, khoản 5, Điều 26: Các trường hợp khác theo quy định <u>của pháp luật và Điều lệ này.</u>	Sửa đổi theo điểm d, khoản 5 Điều 18 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
53	Khoản 7, Điều 26 - Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông <i>Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% (một trăm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.</i>	Bỏ khoản 7 Điều 26 Sắp xếp thành khoản 6 Điều 29 Điều lệ	Để phù hợp với nội dung quy định và dễ tra cứu khi áp dụng.
54	Khoản 2, Điều 27 – Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông <i>Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết quy định tại khoản 1 điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần</i>	Sửa đổi khoản 2, Điều 27: Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ <u>điều kiện tiến hành</u> theo quy định tại khoản 1 Điều này thì <u>thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.</u>	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 19 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) cổ phần có quyền biểu quyết.</i>		
55	<p>Khoản 3, Điều 27 – Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết quy định tại khoản 2 điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai và trong trường hợp này cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 3, Điều 27:</p> <p><u>Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</u></p>	Sửa đổi theo khoản 3 Điều 19 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
56	<p>Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 28 – Thể thức tiến hành và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. <i>Vào ngày tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, CC1 phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 28:</p> <p>Sắp xếp thành điểm a, điểm b khoản 2 Điều 28:</p> <p>1. <u>Trước khi khai mạc cuộc họp, CC1 phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho</u></p>	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p><i>hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</i></p> <p>2. <i>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, CCI cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.</i></p> <p>3. <i>Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký và có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.</i></p>	<p>đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết <u>theo trình tự sau:</u></p> <p>a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, CCI cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. <u>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</u> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là <u>tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký.</u> Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để</p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	
57	<p>Khoản 4, Điều 28 – Thể thức tiến hành và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</i></p> <p><i>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 4, Điều 28:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 2, Điều 28:</p> <p><u>Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</u></p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa <u>cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập</u>. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên <u>Hội đồng quản trị</u> còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp <u>trong số những người dự họp</u> và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p>b. <u>Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</u></p> <p>c. <u>Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</u></p>	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		d. <u>Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp.</u>	
58	<p>Khoản 5, Điều 28 – Thể thức tiến hành và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 5, Điều 28:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 3, Điều 28:</p> <p>Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 3 Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
59	<p>Khoản 6, Điều 28 – Thể thức tiến hành và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi khoản 6, Điều 28:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 8, Điều 28:</p> <p>Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp; b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết; c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. 	<p>Sửa đổi theo khoản 8 Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
60	<p>Khoản 7, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 28 – Thể thức tiến hành và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>7. Chủ tọa của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự đúng theo chương trình đã thông qua.</p> <p>9. Chủ tọa, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được chủ tọa cho là thích hợp để:</p> <p><i>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p><i>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.</i></p> <p><i>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</i></p> <p><i>Chủ tọa có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu chủ tọa thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</i></p> <p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p>	<p>Sửa đổi khoản 7, khoản 9, khoản 10, khoản 11 Điều 28: Sắp xếp thành khoản 4, Điều 28:</p> <p>Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p> <p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. <u>Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết.</u> Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 4 Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p><i>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”).</i></p> <p><i>b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội.</i></p> <p><i>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</i></p> <p><i>11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</i></p>		
61	<p>Khoản 8, Điều 28 – Thẻ thức tiến hành và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà được cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 8 Điều 28:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 7, Điều 28:</p> <p>Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân 	<p>Sửa đổi theo khoản 7 Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	
62	<p>Khoản 12, Điều 28 – Thể thức tiến hành và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 12, Điều 28:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 5, Điều 28:</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.</p>	Sửa đổi theo khoản 5 Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
63	Không quy định	<p>Bổ sung khoản 6, Điều 28:</p> <p>Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	Sửa đổi theo khoản 6 Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
64	Không quy định	<p>Bổ sung khoản 9 Điều 28:</p> <p>Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.</p>	Sửa đổi theo khoản 9 Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
65	<p>Không quy định</p>	<p>Bổ sung khoản 10 Điều 28:</p> <p>Trường hợp CC1 áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 10 Điều 20 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
66	<p>Khoản 1, Điều 29 – Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (<i>sáu mươi lăm phần trăm</i>) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều này:</p> <ol style="list-style-type: none"> Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý CC1. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1. Tổ chức lại, giải thể CC1. 	<p>Sửa đổi khoản 1, Điều 29: Điều kiện để Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua</p> <p>Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% (<i>sáu mươi lăm phần trăm</i>) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này:</p> <ol style="list-style-type: none"> Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý CC1. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị <u>từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1. Tổ chức lại, giải thể CC1. 	<p>Do Điều 29 Điều lệ hiện hành hiện nay không có quy định khoản 6 nên phải sửa lại.</p> <p>Khoản 6 Điều 148 LDN 2020 quy định như sau:</p> <p><i>“Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó</i></p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của CC1.	f. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của CC1.	<i>trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản”</i>
67	Khoản 2, Điều 29 – Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông <i>Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 và khoản 6 Điều này.</i>	Sửa đổi khoản 2, Điều 29: Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều này.	Do Điều 29 Điều lệ hiện hành hiện nay không có quy định khoản 6 nên phải sửa lại
68	Không quy định	Bổ sung khoản 6, Điều 29: Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1.	Bổ sung theo khoản 3 Điều 21 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
69	<p>Khoản 2, Điều 30 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 2, Điều 30:</p> <p>Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và <u>gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10 ngày) trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này.</u></p>	<p>Sửa đổi theo khoản 2 Điều 22 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
70	<p>Điểm a, khoản 3, Điều 30 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của CC1.</p>	<p>Sửa đổi điểm a, khoản 3, Điều 30:</p> <p>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi theo điểm a khoản 3 Điều 22 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
71	<p>Khoản 4, Điều 30 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của</i></p>	<p>Sửa đổi Khoản 4, Điều 30:</p> <p>Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý CC1. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 5 Điều 22 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p><i>cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý CCI. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</i></p> <p>a. <i>Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh.</i></p> <p>b. <i>Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.</i></p> <p>c. <i>Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.</i></p> <p>d. <i>Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.</i></p> <p>e. <i>Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.</i></p> <p>f. <i>Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</i></p> <p><i>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</i></p>	<p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, <u>người kiểm phiếu</u> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
72	<p>Khoản 5, Điều 30 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của CCI trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</i></p>	<p>Sửa đổi Khoản 4, Điều 30:</p> <p>Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của CCI trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ <u>thời điểm</u> kết thúc kiểm phiếu.</p>	Sửa đổi theo khoản 6 Điều 22 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
73	<p>Khoản 7, Điều 30 - Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	<p>Sửa đổi Khoản 7, Điều 30:</p> <p>Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản <u>nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết tán thành</u> có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	Sửa đổi theo khoản 8 Điều 22 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
74	<p>Không quy định</p>	<p>Bổ sung khoản 8, Điều 30:</p> <p>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; 	Bổ sung theo khoản 4 Điều 149 LDN 2020 và khoản 4 22 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		<p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	
75	<p>Khoản 2, Điều 31 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <i>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 2, Điều 31 – Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. <u>Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</u></p>	<p>Sửa đổi theo khoản 2 Điều 23 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
76	<p>Khoản 3, Điều 31 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông <i>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</i> Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong</p>	<p>Sửa đổi khoản 3, Điều 31 – Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 3 Điều 23 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</i>		
77	<p>Khoản 4, khoản 5, Điều 31 - Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. <i>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của CCI trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</i></p> <p>5. <i>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CCI.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 4, khoản 5, Điều 31</p> <p>Sắp xếp thành khoản 4, Điều 31– Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của CCI.</p>	Sửa đổi theo khoản 4 Điều 23 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
78	<p>Khoản 1, Điều 32 - Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 Điều 26 Điều lệ này.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 1, Điều 32:</p> <p>Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại <u>khoản 6 Điều 29</u> Điều lệ này.</p>	Sửa đổi do thay đổi thứ tự điều luật quy định.
79	<p>Đoạn cuối, khoản 2, Điều 32 - Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem</i></p>	Bãi bỏ, không áp dụng	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 24 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này</i>		
80	Không quy định	<p>Điều 33 - Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên Website của CC1 để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của CC1 nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh. b. Trình độ chuyên môn. c. Quá trình công tác. d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác). e. Lợi ích có liên quan tới CC1 và các bên có liên quan của CC1. 	Bổ sung theo Điều 25 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		<p>f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ CC1.</p> <p>g. CC1 phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ CC1 có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ CC1.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ CC1, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ CC1.	
81	<p>Khoản 2, khoản 3, Điều 33 – Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p><i>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên (05 ứng viên).</i></p> <p><i>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</i></p>	Bỏ, không áp dụng quy định này.	Bỏ các khoản này do đã được sửa đổi, bổ sung thành khoản 2 và khoản 3 Điều 33 Điều lệ này

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
82	<p>Khoản 4, Điều 33 – Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p><i>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</i></p> <p><i>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của CCI và được chấp thuận.</i></p> <p><i>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</i></p> <p><i>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng.</i></p> <p><i>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</i></p> <p><i>f. Cung cấp thông tin cá nhân sau khi gửi cho CCI với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 4, Điều 33:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 2, Điều 34:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 4 Điều 26 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i>		
83	<p>Khoản 5, Điều 33 – Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p><i>Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng thành viên Hội đồng quản trị quy định tại điều lệ CC1 thì Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.</i></p> <p><i>Các trường hợp khác Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị mới tại cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 5, Điều 33:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 3, Điều 34:</p> <p>Hội đồng quản trị của CC1 phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. CC1 hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của CC1 để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p>	Sửa đổi theo khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
84	<p>Khoản 6, Điều 33 – Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p><i>Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 6, Điều 33:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 4, Điều 34:</p> <p>Nội dung vẫn giữ nguyên</p>	
85	<p>Khoản 7, Điều 33 – Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p><i>Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của CC1.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 7, Điều 33:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 5, Điều 34:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị <u>không nhất thiết phải</u> là người nắm giữ cổ phần của CC1.</p>	Sửa đổi theo khoản 6 Điều 26 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
86	<p>Khoản 2, Điều 34 – Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p><i>Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 2, Điều 34:</p> <p>Sắp xếp thành Điều 35:</p> <p>Bỏ, do nội dung này được đưa sắp xếp thành điểm k, khoản 2, Điều 35 Điều lệ CC1.</p>	
87	<p>Khoản 3, Điều 34 – Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p><i>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ này quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> a. <i>Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm.</i> b. <i>Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</i> c. <i>Bổ nhiệm, bãi nhiệm cán bộ quản lý cấp cao (không bao gồm Hội đồng quản trị) và người đại diện phần vốn của Tổng công ty.</i> d. <i>Quyết định cơ cấu tổ chức của Tổng công ty (trừ việc tổ chức lại, giải thể CC1 thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông CC1).</i> e. <i>Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty.</i> f. <i>Đề xuất phát hành các loại cổ phần, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép</i> 	<p>Sửa đổi khoản 3, Điều 34:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 2, Điều 35:</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ này quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. <u>Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của CC1.</u> b. <u>Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.</u> c. <u>Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.</u> d. <u>Quyết định giá bán cổ phần; Quyết định chào bán các loại trái phiếu theo quy định của Luật Chứng khoán.</u> e. <u>Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.</u> f. <u>Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.</u> 	<p>Sửa đổi theo quy định tại Khoản 1 Điều 153 LDN; khoản 1 Điều 27 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>người sở hữu mua cổ phần theo mức giá định trước.</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty, quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 51 Điều lệ này.</p> <p>i. Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện việc ký kết, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh).</p> <p>j. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính.</p>	<p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>i. Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện việc ký kết, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của CC1 (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh).</p> <p>j. <u>Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và cán bộ quản lý cao cấp quan trọng khác do Điều lệ CC1 quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội</u></p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p><i>l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức.</i></p> <p><i>m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể CCI.</i></p>	<p><u>đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.</u></p> <p>k. <u>Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty.</u></p> <p>l. <u>Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</u></p> <p>m. <u>Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể CCI; yêu cầu phá sản CCI.</u></p> <p>n. <u>Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông.</u></p> <p>o. <u>Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của CCI, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.</u></p> <p>p. <u>Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị CCI sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của CCI.</u></p> <p>q. <u>Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u></p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		<p><u>hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết.</u></p> <p>r. <u>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</u></p>	
88	<p><i>Khoản 4, Điều 34 – Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</i></p> <p><i>Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</i></p> <p>a. <i>Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của CCI.</i></p> <p>b. <i>Thành lập các công ty con của CCI.</i></p> <p>c. <i>Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của CCI.</i></p> <p>d. <i>Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài.</i></p> <p>e. <i>Việc định giá các tài sản góp vào CCI không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phần hoặc trái phiếu của CCI, bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.</i></p>	<p>Bỏ, do nội dung này được sửa đổi và sắp xếp thành điểm e, điểm d, điểm h và điểm o, khoản 2, Điều 35 Điều lệ CC1.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 2, Điều 27 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>f. <i>CCI mua hoặc thu hồi không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần đã được chào bán trong mười hai tháng.</i></p> <p>g. <i>Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của CCI.</i></p>		
89	<p>Không quy định</p>	<p>Sắp xếp thành khoản 3, Điều 35:</p> <p>Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán</p>	<p>Bổ sung theo khoản 3, Điều 27 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
90	<p>Khoản 5, Điều 34 – Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p><i>Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được. Thành viên Hội đồng quản trị làm việc chuyên trách ngoài phần thù lao cho công việc với tư cách là thành</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 5, Điều 34:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 4, Điều 35:</p> <p>CC1 có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên</p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 và khoản 2 Điều 28 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>viên Hội đồng quản trị được nhận lương theo quy chế lương của CCI.</i>		
91	Khoản 6, Điều 34 – Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị <i>Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng và các lợi ích khác được hưởng từ CCI, công ty con, công ty liên kết của CCI và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của CCI.</i>	Sửa đổi khoản 6, Điều 34: Sắp xếp thành khoản 5, Điều 35: Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của CC1 theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của CC1 và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Sửa đổi theo khoản 3 điều 28 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
92	Khoản 7, Điều 34 – Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Sửa đổi khoản 7, Điều 34: Sắp xếp thành khoản 6, Điều 35: Nội dung vẫn giữ nguyên	
93	Khoản 8, Điều 34 – Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Sửa đổi khoản 8, Điều 34: Sắp xếp thành khoản 7, Điều 35: Nội dung vẫn giữ nguyên	
94	Không quy định	Sắp xếp thành khoản 8, Điều 35: Thành viên Hội đồng quản trị có thể được CC1 mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ CC1.	Bổ sung theo khoản 6 điều 28 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
95	<p>Khoản 1, Điều 35 – Chủ tịch Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc</p>	<p>Sửa đổi khoản 1, Điều 35: Sắp xếp thành khoản 1, Điều 36: <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 1 Điều 29 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
96	<p>Khoản 3, Điều 35 – Chủ tịch Hội đồng quản trị Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>Sửa đổi khoản 3, Điều 35: Sắp xếp thành khoản 3, Điều 36: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền <u>hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định</u> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 156 LDN; khoản 5 Điều 29 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
97	Khoản 4, Điều 35 – Chủ tịch Hội đồng quản trị <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của CCI, báo cáo kiểm toán và báo cáo giám sát của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</i>	Bỏ, không áp dụng quy định này	Bỏ theo Điều 29 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
98	Khoản 5, Điều 35 – Chủ tịch Hội đồng quản trị <i>Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày làm việc.</i>	Sửa đổi khoản 5, Điều 35: Sắp xếp thành khoản 4, Điều 36: Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị <u>miễn nhiệm</u> , bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày <u>kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</u>	Sửa đổi theo khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
99	Khoản 1, Điều 36 – Cuộc họp Hội đồng quản trị <i>Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong phiên họp đầu tiên của nhiệm kỳ. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</i>	Sửa đổi khoản 1, Điều 36: Sắp xếp thành khoản 1, Điều 37: Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
100	<p>Khoản 2, Điều 36 – Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 2, Điều 36:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 2, Điều 37:</p> <p>Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p>	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
101	<p>Khoản 3, Điều 36 – Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p><i>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của CCI. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</i></p> <p>a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý cấp cao.</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Ban Kiểm soát.</p>	<p>Sửa đổi khoản 3, Điều 36:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 3, Điều 37:</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. <u>Có đề nghị của</u> Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý cấp cao.</p> <p>b. <u>Có đề nghị của</u> ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>c. <u>Có đề nghị của</u> Ban Kiểm soát.</p>	Sửa đổi theo khoản 3 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
102	<p>Không quy định</p>	<p>Sắp xếp thành khoản 4, Điều 37:</p> <p>Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị</p>	Bổ sung theo khoản 4 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
103	Khoản 4, Điều 36 – Cuộc họp Hội đồng quản trị <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với CCI; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</i>	Sửa đổi khoản 4, Điều 36: Sắp xếp thành khoản 5, Điều 37: Nội dung vẫn giữ nguyên	
104	Khoản 5, Điều 36 – Cuộc họp Hội đồng quản trị <i>Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</i>	Bỏ, không áp dụng nội dung này	Sửa đổi Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
105	Khoản 6, Điều 36 – Cuộc họp Hội đồng quản trị <i>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị</i>	Sửa đổi khoản 6, Điều 36: Sắp xếp thành khoản 6, Điều 37: <u>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</u>	Sửa đổi theo khoản 6 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.</p>	<p><u>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.</u></p>	
106	<p>Khoản 7, Điều 36 – Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>Sửa đổi khoản 7, Điều 36:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 7, Điều 37:</p> <p>Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo <u>đến các thành viên Ban Kiểm soát</u> như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p><u>Thành viên Ban Kiểm soát</u> có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
107	<p>Khoản 8, Điều 36 – Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu</p>	<p>Sửa đổi khoản 8, Điều 36:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 8, Điều 37:</p> <p>Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) <u>tổng số thành viên</u> trở lên dự họp.</p> <p><u>Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được</u></p>	<p>Sửa đổi theo khoản 8 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	tập-lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	<u>tiến hành</u> nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	
108	<p>Khoản 9, Điều 36 – Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p><i>Biểu quyết:</i></p> <p>a. Trừ quy định tại Điểm b-Khoản 9 Điều 36, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của CCI. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p>	<p>Sửa đổi khoản 9, Điều 36:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 9, Điều 37:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp .</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này .</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.</p>	Sửa đổi theo khoản 9 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
109	<p>Khoản 10, Điều 36 – Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p>	<p>Sửa đổi khoản 10, Điều 36:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 10, Điều 37:</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất</p>	Sửa đổi theo khoản 10 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	
110	Khoản 11, Điều 36 – Cuộc họp Hội đồng quản trị <i>Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</i>	Sửa đổi khoản 11, Điều 36: Sắp xếp thành khoản 11, Điều 37: Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.	Sửa đổi theo khoản 12 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
111	Không quy định	Bổ sung khoản 12, Điều 37: Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	Bổ sung theo khoản 11 Điều 30 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
112	Khoản 2, Điều 37 - Biên bản họp Hội đồng quản trị <i>Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</i>	Sửa đổi khoản 2, Điều 37: Sắp xếp thành khoản 3, Điều 38: Nội dung vẫn giữ nguyên	Sắp xếp lại thứ tự điều khoản quy định
113	Không quy định	Sắp xếp thành khoản 2, Điều 38: Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ các nội dung theo quy	Bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 158 LDN

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h của khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.	
114	Khoản 3, Điều 37 - Biên bản họp Hội đồng quản trị	Sửa đổi khoản 3, Điều 37: Sắp xếp thành khoản 4, Điều 38: Nội dung vẫn giữ nguyên	Sắp xếp lại thứ tự điều khoản quy định
115	Không quy định	Bổ sung khoản 5, Điều 38: Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	Bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 158 LDN
116	Điều 38 – Tổ chức bộ máy quản lý	Sắp xếp thành Điều 39 - Tổ chức bộ máy quản lý	Sắp xếp lại thứ tự điều khoản quy định
117	Không quy định	Sắp xếp thành khoản 3, Điều 40 Tiền lương của cá được tính vào chi phí kinh doanh của CC1 theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của CC1 và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Sửa đổi theo khoản 4 Điều 34 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
118	Điểm e, khoản 3, Điều 40 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc <i>Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong CCI.</i>	Sửa đổi điểm e, khoản 3, Điều 40: Sắp xếp thành điểm e, khoản 3, Điều 41:	Bổ sung theo điểm e khoản 4 Điều 35 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong CC1, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc.	
119	Không quy định	Bổ sung điểm j, khoản 3, Điều 41: Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của CC1 mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.	Bổ sung theo điểm a khoản 4 Điều 35 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
120	Khoản 5, Điều 40 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc <i>Tổng Giám đốc không là người có quan hệ gia đình của người quản lý, Kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của CC1 tại các công ty.</i>	Sửa đổi khoản 5, Điều 40: Sắp xếp thành khoản 5, Điều 41: Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại khoản 5, Điều 162 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi để phù hợp với Luật Doanh nghiệp
121	Đoạn đầu của điều 41 – Thư ký Hội đồng quản trị <i>Hội đồng quản trị chỉ định một người làm Thư ký Hội đồng quản trị với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:</i>	Sửa đổi Đoạn đầu của điều 41: Sắp xếp thành đoạn đầu của Điều 42 Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Thư ký Hội đồng quản trị với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 32 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
122	Khoản 2, Điều 42 - Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	Sửa đổi khoản 2, Điều 42: Sắp xếp thành khoản 2, Điều 43:	Sửa đổi theo khoản 2, Điều 166 LDN

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh CCI sẽ tính vào chi phí của CCI, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.</i>	Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh CCI sẽ tính vào chi phí của CCI, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.	
123	<p>Khoản 2, Điều 43 – Ban Kiểm soát</p> <p><i>Các Kiểm soát viên bầu một thành viên có chuyên môn kế toán hoặc kiểm toán làm Trưởng Ban Kiểm soát và phải làm việc chuyên trách tại CCI.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 2, Điều 43:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 2, Điều 44:</p> <p>Trưởng ban kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của CCI.</p>	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 168 LDN
124	<p>Khoản 3, Điều 43 – Ban Kiểm soát</p> <p><i>Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ số ứng viên (03 ứng viên).</i></p>	Bỏ quy định nội dung này	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
125	<p>Điều 44 – Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</p> <p><i>Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</i></p> <p><i>Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.</i></p> <ol style="list-style-type: none"> <i>1. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</i> <i>2. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.</i> <i>3. Không phải là người quản lý trong CCI; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của CCI.</i> <i>4. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của CCI.</i> <i>5. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của CCI trong ba (03) năm liền kể trước đó.</i> <i>6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan.</i> 	<p>Sửa đổi Điều 44:</p> <p>Sắp xếp thành Điều 45:</p> <p>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của CC1. 3. Là thành viên hay nhân viên công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của CC1 trong ba (03) năm liền trước đó. 	<p>Sửa đổi theo khoản 2 Điều 37 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
126	<p>Điều 45 – Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát</p>	<p>Sửa đổi Điều 45:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo điều 39 Điều lệ mẫu Thông tư</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành CCI.</p> <p>2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của CCI, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của CCI.</p> <p>5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của CCI, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của</p>	<p>Sắp xếp thành khoản 1, Điều 46 - Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của CCI; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của CCI, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết. b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. c. Giám sát tình hình tài chính của CCI, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác. d. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông. e. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của CCI, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 	<p>116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p> <p>Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của CCI.</p> <p>7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của CCI.</p> <p>7. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	<p>f. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>h. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của CCI.</p> <p>9. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của CCI để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p>		
126	Không quy định	<p>Bổ sung khoản 2, Điều 46 - Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>Trưởng Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát; Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát; Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông. 	Bổ sung theo Điều 38 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
127	Khoản 1, Điều 46 – Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát	Sửa đổi Điều 46:	Sửa đổi theo Khoản 1 Điều 171 LDN

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>Tài liệu và thông tin gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:</p> <p>a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo.</p> <p>b. Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do CC1 phát hành.</p>	<p>Sắp xếp thành khoản 1, Điều 47:</p> <p>Tài liệu và thông tin <u>phải được</u> gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:</p> <p>a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo.</p> <p>b. Các nghị quyết, <u>quyết định</u> và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do CC1 phát hành.</p>	
128	<p>Điểm a, khoản 1, Điều 49 – Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 44 của Điều lệ này.</p>	<p>Sửa đổi điểm a, khoản 1, Điều 49:</p> <p>Sắp xếp thành điểm a, khoản 1, Điều 50:</p> <p>Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại <u>Điều 45</u> của Điều lệ này.</p>	Sửa đổi do thay đổi thứ tự điều khoản trong Điều lệ sửa đổi, bổ sung.
129	<p>Không quy định</p>	<p>Sắp xếp thành Điều 51 – Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p>	Bổ sung theo Điều 40 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.	
130	Điều 50 – Trách nhiệm cẩn trọng	Sửa đổi Điều 50: Sắp xếp thành Điều 52:	Sửa đổi do thay đổi thứ tự điều khoản trong Điều lệ sửa đổi, bổ sung.
131	Khoản 1, Điều 51 - Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi <i>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho CCI vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác</i>	Sửa đổi khoản 1, Điều 51: Sắp xếp thành khoản 1, Điều 53: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này <u>chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của CCI.</u>	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 47 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
132	Khoản 2, Điều 51 - Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi <i>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của CCI mà họ có thể được hưởng</i>	Sửa đổi khoản 2, Điều 51: Sắp xếp thành khoản 2, Điều 53: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ <u>thông báo bằng văn bản</u> cho Hội đồng quản trị, <u>Ban kiểm soát về các giao dịch giữa CCI, công ty con, công ty khác do CCI nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối</u>	Sửa đổi theo khoản 3 Điều 47 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.	trương đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, CC1 phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	
133	<p>Khoản 3, Điều 51 - Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>CCI không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p>	<p>Sửa đổi khoản 3, Điều 51:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 3, Điều 53:</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.</p>	Sửa đổi theo khoản 4, điều 47 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
134	<p>Khoản 4, Điều 51 - Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>Hợp đồng hoặc giao dịch giữa CCI với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi</p>	<p>Sửa đổi khoản 4, Điều 51:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 4, Điều 53:</p> <p>Giao dịch giữa CC1 với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác <u>và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</u></p>	Sửa đổi theo điểm b, khoản 6, Điều 47 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan.</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này.</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi</p>	<p>a. Đối với hợp đồng có giá trị <u>nhỏ hơn hoặc bằng 20% (hai mươi phần trăm)</u> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị. và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan.</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) <u>hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản</u> được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, <u>những nội dung</u> quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>phương diện liên quan đến các cổ đông của Tổng công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</i>		
135	Không quy định	Bổ sung khoản 5, Điều 53: Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan	Bổ sung theo khoản 5 Điều 47 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
136	Đoạn cuối của Điều 51 - Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi <i>Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</i>	Bỏ, không áp dụng nội dung này	Sửa đổi theo Điều 47 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
137	Không quy định	Sắp xếp thành Điều 54 – Trách nhiệm về bồi thường thiệt hại 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không	Bổ sung theo tại Điều 48 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		<p>hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Tổng Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do CC1 là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của CC1, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của CC1 trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p>	
138	<p>Khoản 1, Điều 52 – Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của CC1. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này</p>	<p>Sửa đổi khoản 1, Điều 52: Sắp xếp thành khoản 1, Điều 55: Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <p>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ CC1, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 1, Điều 49 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
		<p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (<i>năm phần trăm</i>) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của CC1.</p>	
139	Không quy định	<p>Sắp xếp thành khoản 5, Điều 55: Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	Sửa đổi theo khoản 2, Điều 49 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
140	<p>Khoản 1, Điều 53 – Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ <i>Hết năm tài chính và khi sản xuất kinh doanh có lãi, trước khi chi trả cổ tức cho cổ đông, CC1 trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ như sau:</i></p> <p><i>a. Quỹ dự phòng tài chính.</i> <i>b. Quỹ đầu tư phát triển.</i> <i>c. Quỹ khen thưởng, phúc lợi.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 1, Điều 53: Sắp xếp thành khoản 1, Điều 56: Hết năm tài chính và khi sản xuất kinh doanh có lãi, trước khi chi trả cổ tức cho cổ đông, CC1 trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ như sau:</p> <p>a. Quỹ đầu tư phát triển. b. Quỹ khen thưởng, phúc lợi.</p>	Sửa đổi để phù hợp với thực tế tại CC1 và theo quy định tại Điều 27 Quy chế tài chính CC1 hiện hành.
141	Khoản 2, Điều 54 – Trả cổ tức	Sửa đổi khoản 2, Điều 54:	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p><i>Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của CCI hoặc bằng tài sản khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.</i></p>	<p>Sắp xếp thành khoản 2, Điều 57: Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của CC1 hoặc bằng tài sản khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, <u>thanh toán qua tài khoản của cổ đông tại Ngân hàng hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện theo phương thức đảm bảo tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông phải chịu các chi phí có nếu có rủi ro phát sinh.</u></p>	
142	<p>Khoản 5, Điều 54 – Trả cổ tức <i>Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, CC1 không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều lệ này, các Điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. CC1 phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 5, Điều 54: Sắp xếp thành khoản 5, Điều 57: Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, CC1 không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều lệ này, <u>các Điều 123, 124 và 125 của Luật Doanh nghiệp.</u> CC1 phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 6, Điều 136 LDN</p>
143	<p>Khoản 1, Điều 57 – Chế độ kế toán <i>Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là <u>Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS)</u> hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 1, Điều 57: Sắp xếp thành khoản 1, Điều 60: Chế độ kế toán Tổng công ty sử dụng là <u>Chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán khác được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</u></p>	<p>Sửa đổi theo khoản 1 Điều 54 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
144	<p>Khoản 2, Điều 57 – Chế độ kế toán</p> <p><i>CCI lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. CCI lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà CCI tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 2, Điều 57:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 2, Điều 60:</p> <p>CCI lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và <u>lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan</u>. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.</p>	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 54 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
145	<p>Khoản 1, Điều 58 – Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p><i>CCI phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 1, Điều 58:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 1, Điều 61:</p> <p>CCI phải lập báo cáo tài chính năm và <u>báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. CCI công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</u></p>	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 55 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
146	<p>Khoản 2, Điều 58 – Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p><i>Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của CCI trong năm tài chính,</i></p>	<p>Sửa đổi khoản 2, Điều 58:</p> <p>Sắp xếp thành khoản 2, Điều 61:</p> <p>Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh</p>	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 55 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của CCI tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.	ngành. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của CC1.	
147	Khoản 3, Điều 58 – Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý CCI phải lập và công bố các báo cáo sáu (06) tháng, báo cáo quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan, cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi khoản 3, Điều 58: Sắp xếp thành khoản 3, Điều 61: CCI phải lập và công bố các báo cáo sáu (06) tháng <u>đã soát xét</u> và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Sửa đổi theo khoản 3 Điều 55 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
148	Khoản 4, Điều 58 – Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu (06) tháng và quý phải được công bố trên website của CCI.	Bỏ, do nội dung đã được quy định tại khoản 3 Điều này:	
149	Khoản 1, Điều 60 – Kiểm toán Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán CCI cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội	Sửa đổi khoản 1, Điều 60: Sắp xếp thành khoản 1, Điều 63: Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của CC1 cho năm tài chính tiếp	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 57 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>đồng quản trị. CCI phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</i>	theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.	
150	Khoản 2, Điều 60 – Kiểm toán <i>Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của CCI, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</i>	Không áp dụng	
151	Khoản 3, Điều 60 – Kiểm toán <i>Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Tổng công ty.</i>	Sửa đổi khoản 2, Điều 60: Sắp xếp thành khoản 2, Điều 63: Nội dung vẫn giữ nguyên	
152	Khoản 4, Điều 60 – Kiểm toán <i>Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán CCI được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.</i>	Sửa đổi khoản 4, Điều 60: Sắp xếp thành khoản 3, Điều 63: Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán <u>báo cáo tài chính</u> của CCI được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc <u>kiểm toán báo cáo tài chính của Tổng Công ty.</u>	Sửa đổi theo theo khoản 3 Điều 57 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
153	Khoản 1, Điều 61 – Đơn vị phụ thuộc và công ty con của CCI	Sửa đổi khoản 1, Điều 61: Sắp xếp thành khoản 1, Điều 64:	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<i>CC1 có các đơn vị phụ thuộc và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.</i>	CC1 có các đơn vị phụ thuộc và các công ty con, công ty liên kết.	
154	<p>Khoản 1, Điều 64 – Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn của CC1</p> <p>1. Người đại diện phần vốn của CC1 tại doanh nghiệp khác phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam và thuộc quyền quản lý của CC1. b. Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ. c. Hiểu biết luật pháp, có ý thức chấp hành pháp luật. d. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp; có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư của CC1; Người đại diện phần vốn góp chi phối của CC1 ở các công ty liên doanh với nước ngoài phải biết một ngoại ngữ phổ biến đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh. e. Không phải là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột của những người là chủ sở hữu, người trong Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp có vốn đầu 	<p>Sửa đổi khoản 1, Điều 64</p> <p>Sắp xếp thành khoản 1, Điều 67 - Tiêu chuẩn và điều kiện của Người đại diện vốn tại các Doanh nghiệp khác</p> <p>1. Người đại diện phần vốn của CC1 tại doanh nghiệp khác phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam và thuộc quyền quản lý của CC1. b. Có phẩm chất đạo đức tốt, có sức khỏe để đảm đương nhiệm vụ. c. Hiểu biết luật pháp, có ý thức chấp hành pháp luật. d. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp; có trình độ chuyên môn về tài chính doanh nghiệp hoặc lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư của CC1; Người đại diện phần vốn góp chi phối của CC1 ở các công ty liên doanh với nước ngoài phải biết một ngoại ngữ phổ biến đủ để làm việc với người nước ngoài trong liên doanh. 	Bỏ điểm e, f khoản 1 để sắp xếp thành khoản 2 Điều 67

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	<p>tu của CC1 mà người đó được giao là người đại diện phần vốn.</p> <p>f. Không có quan hệ góp vốn thành lập doanh nghiệp, cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua bán với doanh nghiệp có vốn đầu tư của CC1 mà người đó được giao trực tiếp quản lý phần vốn góp.</p>		
155	Không quy định	<p>Bổ sung khoản 2, Điều 67:</p> <p>2. Người đại diện vốn không được thuộc đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Là người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột đang là chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của doanh nghiệp có vốn đầu tư của Tổng Công ty mà Người đó được cử làm Người đại diện vốn. b. Có phần vốn góp tại doanh nghiệp được cử làm đại diện vốn chiếm từ 05% vốn Điều lệ. c. Có quan hệ cho vay vốn, ký kết hợp đồng mua, bán với doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty mà Người đó được giao đại diện vốn góp. d. Thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. 	
156	Khoản 2, Điều 64 – Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện phần vốn của CC1	<p>Sửa đổi khoản 2, Điều 64</p> <p>Sắp xếp thành khoản 3, Điều 67 - Tiêu chuẩn và điều kiện của Người đại diện vốn tại các Doanh nghiệp khác</p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
157	Khoản 1, Điều 66 – Con dấu <i>Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của CCI và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</i>	Sửa đổi khoản 1, Điều 66: Sắp xếp thành khoản 1, Điều 69: Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của CC1, chi nhánh, văn phòng đại diện của CC1.	Sửa đổi theo khoản 2 Điều 58 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
166	Không quy định	Khoản 3, Điều 69: Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.	Bổ sung theo khoản 1 Điều 58 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
167	Khoản 1, Điều 67 – Giải thể, chấm dứt hoạt động <i>CCI có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</i> <i>a. Toà án tuyên bố CCI phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành.</i> <i>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</i> <i>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</i>	Sửa đổi khoản 1, Điều 67: Sắp xếp thành khoản 1, Điều 70: CCI có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau: a. <u>Theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</u> b. <u>Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.</u> c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi theo khoản 1, Điều 59 Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020
168	Khoản 2, Điều 67 – Giải thể, chấm dứt hoạt động Việc giải thể CC1 trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp	Sửa đổi khoản 2, Điều 67: Sắp xếp thành khoản 2, Điều 70: Việc giải thể CC1 do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông	Bỏ nội dung “trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn”, do thời hạn hoạt động của CC1 bắt đầu từ

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung	Ghi chú
	thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	ngày thành lập và là vô thời hạn.